TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA LỘC - TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 31/8/2017
"*V/v ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC- TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Minh Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Thấu.

2. Ông Bùi Đức Thập.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huệ, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lộc.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc*** tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 31/8/2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Gia Lộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 127/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2017, về việc ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/QĐXX-ST ngày 01 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1961 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Xóm A, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960 (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Thôn C, xã P, huyện G, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/6/2017 của bà Đỗ Thị T và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày: Bà T kết hôn với ông Nguyễn Văn T trên cơ sở tự nguyện được UBND xã Phạm Trấn, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương đăng ký kết hôn ngày 11/5/1990. Sau khi kết hôn vợ chồng bà không sống ở quê mà lên Hà Nội thuê nhà trọ để làm ăn sinh sống, cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc do cách đối xử của ông T với mẹ con bà, đã nhiều lần ông T đánh đập bà nhưng bà cố chịu đựng để cho con cái có bố, có mẹ, đến năm 2016 thì mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trầm trọng, ông T nắm hết kinh tế gia đình không đưa tiền cho mẹ con bà chi tiêu sinh hoạt, bà có tham gia nhưng ông không nghe mà còn đánh đập bà nên bà đã về quê đẻ ở và sống ly thân với ông T từ năm 2016 đến nay. Xác định

tình cảm vợ chồng không còn nên bà làm đơn khởi kiện xin ly hôn ông T. Về con chung: Vợ chồng bà có 01 con chung là Nguyễn Văn H, sinh ngày 24/11/1990 đã trưởng thành nên khi ly hôn bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng của Tòa án, có văn bản ông T nhận, có văn bản ông T không nhận. Ông T cũng không viết bản tự khai, không trình bày để Tòa án lấy lời khai, không cung cấp chứng minh thư nhân dân cho Tòa án.Trong quá trình lập văn bản về việc ông T không nhận và không ký các văn bản của Tòa án tống đạt, ông T có đưa ra quan điểm ông không đến Tòa án, cứ để bà T ly hôn đơn phương, đồng thời ông T cũng xác định ông và bà T mâu thuẫn từ năm 2010 do hai người không hợp nhau nên cũng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Ngày 19/3/2017 ông đã về quê xã P, huyện G ở và sống ly thân với bà T, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Ông xác định tình cảm vợ chồng cũng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã xác định: Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng thời hạn tố tụng. Trong quá trình giải quyết, xét xử tại phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự tố tụng, nguyên đơn thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Đỗ Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Đỗ Thị T ly hôn ông Nguyễn Văn T.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm dân sự ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia tố tụng tại phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vụ án vắng

mặt bị đơn là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Đỗ Thị T và ông Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã P, huyện G, tỉnh Hải Dương đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, ông bà không sống ở địa phương mà đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về địa phương sau đó lại đi làm ăn nên việc xảy ra mâu thuẫn chỉ có ông và bà là người nắm được. Do không sinh sống thường xuyên và sinh hoạt tại địa phương thôn C, xã Phạm T, huyện G, tỉnh Hải Dương nên địa phương cũng không nắm bắt được mâu thuẫn giữa hai ông bà. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã có giấy triệu tập ông T đến Tòa án làm việc nhưng ông T không đến, khi Tòa án về địa phương để tống đạt trực tiếp cho ông T các văn bản tố tụng, ông T ở nhà nhưng đã từ chối và không ký nhận các văn bản do Tòa án tống đạt, không viết bản tự khai. Tuy nhiên ông T cũng đã đưa ra quan điểm giữa ông và bà T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn từ nhiều năm, do vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng đã sống ly thân không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Bà T cũng đã xác định mâu thuẫn giữa bà và ông T đã xảy ra từ nhiều năm nay nên không còn cơ hội để đoàn tụ. Từ những căn cứ trên thấy rằng đời sống chung của vợ chồng bà T và ông T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận đơn xin ly hôn của bà T để xử cho bà được ly hôn với ông T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Đỗ Thị T phải chịu tiền án phí sơ thẩm dân sự ly hôn theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

*Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình. Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Đỗ Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho bà Đỗ Thị T ly hôn ông Nguyễn Văn T.

2. Về án phí: Bà Đỗ Thị T phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm dân sự ly hôn, được khấu trừ vào số tiền bà T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0003455 ngày 06/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc.

3. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Đỗ Thị Minh Yến

Nơi nhận:
- VKSND huyện Gia Lộc.
- Những người tham gia tố tụng.
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Gia Lộc.
- UBND xã P.
- Lưu hồ sơ.